

Cao Bằng, ngày 24 tháng 6 năm 2022

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 10 (huyện Quảng Hòa)

Môn: Phần A,I,II - Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử

Ngày thi: 04/6/ 2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Lục Thị Vân Anh	7.50	Bảy phẩy năm	42	Bé Thị Kiều	7.00	Bảy
2	Đàm Thị Bằng	7.50	Bảy phẩy năm	43	Nguyễn Thị Hoài Lam	7.50	Bảy phẩy năm
3	Nông Thị Bé	7.50	Bảy phẩy năm	44	Lục Thị Thúy Lâm	7.75	Bảy phẩy bảy năm
4	Nguyễn Thị Biền	6.00	Sáu	45	Nông Minh Lệ	7.50	Bảy phẩy năm
5	Nguyễn Đình Chinh	6.00	Sáu	46	Nông Thị Linh	7.25	Bảy phẩy hai năm
6	Bé Đặng Chính	8.00	Tám	47	Hứa Thị Loan	7.50	Bảy phẩy năm
7	Phan Mạnh Cường	6.50	Sáu phẩy năm	48	Lý Thị Minh	7.00	Bảy
8	Hà Thị Diệp	7.00	Bảy	49	Hoàng Thị Minh	7.25	Bảy phẩy hai năm
9	Nông Văn Đạt	7.00	Bảy	50	Triệu Quang Mốt	7.25	Bảy phẩy hai năm
10	Bé Thị Diệp	6.00	Sáu	51	Vương Thị Na	8.00	Tám
11	Tô Văn Dự	6.50	Sáu phẩy năm	52	Nông Văn Nam	6.50	Sáu phẩy năm
12	Hoàng Văn Dẫn	6.50	Sáu phẩy năm	53	Hoàng Thị Nga	7.00	Bảy
13	Đàm Thị Dung	7.75	Bảy phẩy bảy năm	54	Đàm Thị Thanh Nga	7.50	Bảy phẩy năm
14	Lương Văn Dưỡng	6.00	Sáu	55	Đình Văn Nghĩa	7.00	Bảy
15	Phan Thị Duyên	6.00	Sáu	56	Nguyễn Thị Ngọc	6.50	Sáu phẩy năm
16	Lý Thị Duyên	6.50	Sáu phẩy năm	57	Đình Thị Nguyệt	8.00	Tám
17	Nông Văn Giang	8.25	Tám phẩy hai năm	58	Lục Thị Nhung	7.75	Bảy phẩy bảy năm
18	Triệu Thị Hạ	7.50	Bảy phẩy năm	59	Đàm Thị Niêm	6.75	Sáu phẩy bảy năm
19	Ngô Thị Lệ Hằng	8.00	Tám	60	Lục Thị Kim Oanh	6.50	Sáu phẩy năm
20	Lý Thị Hằng	8.00	Tám	61	Nguyễn Lệ Quyên	7.00	Bảy
21	Lã Thị Hạnh	7.00	Bảy	62	Hoàng Thị Tâm	6.50	Sáu phẩy năm
22	Đình Thị Hậu	8.25	Tám phẩy hai năm	63	Đàm Hồng Tân	8.00	Tám
23	Ma Văn Hiến	6.00	Sáu	64	Đàm Văn Thắng	7.50	Bảy phẩy năm
24	Nguyễn Thị Hiệp	7.75	Bảy phẩy bảy năm	65	Đình Phương Thảo	7.50	Bảy phẩy năm
25	Lưu Diệu Hoa	7.00	Bảy	66	Mông Thị Thảo	7.00	Bảy

DHL

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
26	Lương Thị Hoa	7.00	Bảy	67	Nông Bích Thu	7.00	Bảy
27	Lục Thị Hoài	8.00	Tám	68	Triệu Minh Thủy	6.75	Sáu phẩy bảy năm
28	Nguyễn Thị Hoan	7.75	Bảy phẩy bảy năm	69	Đàm Thị Thuyền	8.00	Tám
29	Hà Ngọc Hoàng	7.50	Bảy phẩy năm	70	Bé Thị Tiềm	7.50	Bảy phẩy năm
30	Hà Thị Hồng	8.25	Tám phẩy hai năm	71	Nông Thị Tiến	7.00	Bảy
31	Phạm Thị Huân	7.50	Bảy phẩy năm	72	Đỗ Văn Tĩnh	6.75	Sáu phẩy bảy năm
32	Nông Thị Huệ	7.00	Bảy	73	Hoàng Thu Trang	8.00	Tám
33	Mông Thị Huệ	6.50	Sáu phẩy năm	74	La Thị Huyền Trang	7.75	Bảy phẩy bảy năm
34	Triệu Thị Thu Huệ	7.50	Bảy phẩy năm	75	Đỗ Thu Trang	7.75	Bảy phẩy bảy năm
35	Bé Thị Huệ	7.50	Bảy phẩy năm	76	Bé Văn Tư	6.50	Sáu phẩy năm
36	Đinh Thị Huệ	7.75	Bảy phẩy bảy năm	77	Đàm Thúy Tuyền	7.25	Bảy phẩy hai năm
37	Ma Thúy Hường	8.00	Tám	78	Mã Thị Út	8.00	Tám
38	Hoàng Quang Huy	8.00	Tám	79	Ma Ngọc Vĩnh	7.75	Bảy phẩy bảy năm
39	Hoàng Thị Huyền	7.00	Bảy	80	Đàm Thị Vui	7.75	Bảy phẩy bảy năm
40	Lục Thị Huyền	6.50	Sáu phẩy năm	81	Vàng Văn Sun (TCK9)	7.75	Bảy phẩy bảy năm
41	Hoàng Văn Khỏe	6.00	Sáu	82	Bé Đình Bằng (TCK9)	7.25	Bảy phẩy hai năm

Điểm 6.00: 07 điểm; Điểm 6.50: 11 điểm; Điểm 6.75: 03 điểm; Điểm 7.00: 15 điểm; Điểm 7.25: 05 điểm;
Điểm 7.50: 15 điểm; Điểm 7.75: 11 điểm; Điểm 8.00: 12 điểm; Điểm 8.25: 03 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

DHLw

Đ. Thị Vân Thúy



Trịnh Thị Ánh Hoa

Đoàn Thị Kim Liên

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa